



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH

♥ Học – Hiểu – Làm đúng – Tiến bộ mỗi ngày! ♥

You can do it! 😊



Họ và tên:

Lớp:



BÀI 1 MATCHING

✎ Nối từ ở cột A với nghĩa tiếng Việt phù hợp ở cột B.

A. English

1. outdoor activity ☐
2. suncream ☐
3. chapped lips ☐
4. exercise ☐
5. tofu ☐
6. avoid ☐
7. acne ☐
8. keep fit ☐
9. soft drinks ☐
10. soybean ☐

B. Tiếng Việt

- A. tránh
- B. hoạt động ngoài trời
- C. kem chống nắng
- D. môi nứt nẻ
- E. tập thể dục
- F. đậu phụ
- G. mụn trứng cá
- H. giữ dáng / giữ sức khỏe
- I. nước ngọt
- J. đậu nành



BÀI 2 ADVERBS OF FREQUENCY

✎ Khoanh tròn vị trí đúng của trạng từ tần suất trong mỗi câu.

1. I **usually** exercise / exercise **usually** in the morning.
2. We **often** go cycling / go cycling **often** at the weekend.
3. She **always** brushes / brushes **always** her teeth before bed.
4. My brother **sometimes** touches / touches **sometimes** his face.
5. They **usually** eat / eat **usually** breakfast at home.
6. I **often** wash / wash **often** my hands before meals.
7. He **rarely** gets / gets **rarely** sunburn.
8. We **sometimes** eat / eat **sometimes** fast food.
9. She **never** is / is **never** vegetarian.
10. These vegetables **are usually** / **usually are** healthy.

Small steps make big progress

